

Số: 03/2019/QĐST - DS

Quang Bình, ngày 13 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 697, khoản 1 Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, khoản 2, 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hoà giải thành ngày 05/3/2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 06/2018/ TLST-DS ngày 24/12/2018 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê T - sinh năm 1973; trú tại: Tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; dân tộc: Tày;

- Bị đơn: Bà Hoàng H - sinh năm 1962; trú tại: thôn C, xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang; hiện đang chấp hành án tại K1, trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Tày;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả tiền: Bà Hoàng H trả lại cho chị Lê T số tiền 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng) theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị T và bà H ngày 09/01/2012.

- Về phương thức trả tiền: Trả làm 3 lần.

- Thời gian trả tiền và số tiền trả:

Lần 1: Vào ngày 20/3/2019 trả 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng);

Lần 2: Vào ngày 31/3/2019 trả 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng);

Lần 3: Vào ngày 10/4/2019 trả 150.000.000^d (*Một trăm năm mươi triệu đồng*)

Sau khi bà Hoàng H trả xong khoản tiền 300.000.000 đồng thì chị Lê T có trách nhiệm trả lại cho bà Hoàng H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Hoàng H số sổ I 606302 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 02 tháng 12 năm 1996.

2.2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2.3. Về án phí: Bà Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Trả lại cho chị Lê T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 7.500.000^d (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 02370 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QB, tỉnh Hà Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện QB;
- CCTHADS huyện QB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Phương